

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHÚ LÝ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Phú Lý, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo,
hộ thoát cận nghèo cuối năm 2025 trên địa bàn xã Phú Lý.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025 tiếp tục có hiệu lực áp dụng;

Căn cứ Văn bản số 2476/UBND-KGVX ngày 05/8/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ Kế hoạch số 73/KH-SoNNMT ngày 25/8/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai tổng về điều tra, rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp năm 2025 của tỉnh Đồng Nai, áp dụng cho giai đoạn 2022-2025;

Thực hiện Công văn số 428/UBND-KGVX ngày 10/01/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc “ý kiến kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025”;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại tờ trình số 03/TTr-PKT ngày 13/01/2026 về việc đề nghị công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo cuối năm 2025 trên địa bàn xã Phú Lý,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo cuối năm 2025 trên địa bàn xã Phú Lý.

(Danh sách chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được công nhận tại Quyết định này.

Điều 3. Số hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo cuối năm 2025; số hộ nghèo, hộ cận nghèo còn lại cuối năm 2025 là cơ sở để thực hiện các chính sách thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chính sách an sinh xã hội, các chính sách kinh tế - xã hội năm 2026 trên địa bàn xã.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Ban Chỉ đạo rà soát xã, Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa, Trưởng các ấp và các hộ gia đình có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- VP HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thanh Phương

PHỤ LỤC 1

Danh sách Hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2025 xã Phú Lý

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND

ngày tháng ... năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phú Lý.

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ
I.	HỘ NGHÈO	33			
1	Phạm Thị Cúc	Kinh	Nữ	01/01/1956	Tổ 7, ấp Bàu Phụng
2	Nguyễn Thị Thu Xuân	Kinh	Nữ	01/01/1953	Tổ 6, ấp Bàu Phụng
3	Dương Thị Hồng Nga	Kinh	Nữ	01/01/1951	Tổ 3, ấp Bàu Phụng
4	Nguyễn Thị Hương	Kinh	Nữ	26/12/1957	Tổ 1, ấp Cây Cầy
5	Nguyễn Thị Tư	Kinh	Nữ	31/07/1957	Tổ 6, ấp Cây Cầy
6	Đoàn Thị Út	Kinh	Nữ	20/04/1964	Tổ 9, ấp Cây Cầy
7	Nguyễn Thị Ánh	Kinh	Nữ	20/06/1952	Tổ 9, ấp Cây Cầy
8	Nguyễn Thị Mai	Kinh	Nữ	30/05/1967	Tổ 6, ấp Cây Cầy
9	Lê Thị Bánh	Kinh	Nữ	20/02/1955	Tổ 7, ấp Cây Cầy
10	Đỗ Thị Đình	Kinh	Nữ	01/01/1952	Tổ 1, ấp Cây Cầy
11	Trần Văn Yên	Kinh	Nam	05/01/1949	Tổ 4, ấp Cây Cầy
12	Nguyễn Thị Giàu	Kinh	Nữ	01/01/1991	Tổ 1, ấp Cây Cầy
13	Phan Văn Đa	Kinh	Nam	01/01/1933	Tổ 5, ấp Bình Chánh
14	Vũ Văn Thông	Kinh	Nam	01/01/1956	Tổ 6, ấp Bình Chánh
15	Mai Thị Được	Kinh	Nữ	01/05/1952	Tổ 4, ấp Bình Chánh

16	Nguyễn Thị Mắm	Kinh	Nữ	01/01/1948	Ấp Lý Lịch 2
17	Đỗ Thị Dự	Kinh	Nữ	06/07/1953	Ấp Lý Lịch 2
18	Hồng Văn Châu	Choro	Nam	01/01/1951	Tổ 2, ấp Lý Lịch 1
19	Hồng Văn Mác	Choro	Nam	01/01/1958	Tổ 1, ấp Lý Lịch 1
20	Hoàng Thị Kế	Kinh	Nữ	1941	Tổ 22, ấp 4
21	Nguyễn Thị Giang	Kinh	Nữ	15/08/1958	Tổ 16, ấp 4
22	Trịnh Thị Hào	Kinh	Nữ	07/08/1956	Tổ 22, ấp 4
23	Đậu Thị Quế	Kinh	Nữ	01/01/1954	Tổ 3, ấp 3
24	Nguyễn Văn Lành	Kinh	Nam	05/06/1970	Tổ 5, ấp 3
25	Nguyễn Thị Hảo	Kinh	Nữ	01/01/1938	Tổ 5, ấp 3
26	Huỳnh Đình Dũng	Kinh	Nam	05/01/1953	Tổ 1, ấp 2
27	Võ Thị Phê	Kinh	Nữ	01/01/1948	Tổ 2, ấp 2
28	Nguyễn Văn Lý	Kinh	Nam	01/01/1954	Tổ 5, ấp 2
29	Quách Thị Đông	Mường	Nữ	19/06/1950	Tổ 6, ấp 2
30	Nguyễn Thị Hà Nhi	Kinh	Nữ	14/06/1954	Tổ 12, ấp 2
31	Huỳnh Văn Bền	Kinh	Nam	01/01/1953	Tổ 13, ấp 1
32	Huỳnh Thị Xê	Kinh	Nữ	01/01/1942	Tổ 13, ấp 1
33	Lê Văn Phe	Kinh	Nam	01/01/1949	Tổ 5, ấp 1
II.	HỘ CẬN NGHÈO	119			
1	Trần Thị Liễu	Kinh	Nữ	01/01/1957	Tổ 4, ấp Bàu Phụng
2	Nguyễn Thị Khanh	Kinh	Nữ	01/01/1942	Tổ 7, ấp Bàu Phụng
3	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Kinh	Nữ	01/01/2001	Tổ 4, ấp Bàu Phụng
4	Vũ Văn Quân	Kinh	Nam	01/01/1981	Tổ 2, ấp Bàu Phụng
5	Huỳnh Ngọc Hưởng	Kinh	Nữ	15/08/1977	Tổ 1, ấp Bàu Phụng
6	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Kinh	Nữ	01/01/1975	Tổ 6, ấp Bàu Phụng
7	Nguyễn Thị Vịnh	Kinh	Nữ	01/01/1976	Tổ 2, ấp

					Bàu Phụng
8	Trần Vương Thảo	Kinh	Nam	04/07/1983	Tổ 6, ấp Bàu Phụng
9	Mai Văn Muôn	Kinh	Nam	01/01/1948	Tổ 6, ấp Bàu Phụng
10	Nguyễn Thị Trọn	Kinh	Nữ	01/01/1957	Tổ 6, ấp Bàu Phụng
11	Trương Thị Thủy Tiên	Kinh	Nữ	01/01/1991	Tổ 2, ấp Bàu Phụng
12	Phan Đình Phước	Kinh	Nam	23/03/1955	Tổ 3, ấp Cây Cầy
13	Phan Văn Cu	Kinh	Nam	07/5/1985	Tổ 9, ấp Cây Cầy
14	Trương Văn Oanh	Kinh	Nam	10/10/1956	Tổ 10, ấp Cây Cầy
15	Hồ Thị Lan	Kinh	Nữ	10/5/1975	Tổ 9, ấp Cây Cầy
16	Quách Thị Ánh Phụng	Kinh	Nữ	01/01/1963	Tổ 9, ấp Cây Cầy
17	Trần Văn Thanh	Kinh	Nam	01/01/1953	Tổ 8, ấp Cây Cầy
18	Trần Thị Phần	Kinh	Nữ	25/8/1985	Tổ 8, ấp Cây Cầy
19	Nguyễn Hồng Quý	Kinh	Nam	01/01/1969	Tổ 7, ấp Cây Cầy
20	Kim Văn Chưa	Kinh	Nam	01/01/1985	Tổ 8, ấp Cây Cầy
21	Phan Thị Hường	Kinh	Nữ	01/01/1952	Tổ 3, ấp Cây Cầy
22	Nguyễn Bá Phước	Kinh	Nam	01/01/1984	Tổ 1, ấp Bình Chánh
23	Trần Thanh Mộng	Kinh	Nam	03/06/1988	Tổ 1, ấp Bình Chánh
24	Chế Thị Gương	Kinh	Nữ	01/01/1967	Tổ 3, ấp Bình Chánh
25	Nguyễn Thị Kim Phụng	Kinh	Nữ	28/08/1984	Tổ 3, ấp Bình Chánh
26	Phạm Ngọc Anh	Kinh	Nam	03/07/1960	Tổ 3, ấp Bình Chánh

27	Đỗ Minh Toàn	Kinh	Nam	30/11/1986	Tổ 6, ấp Bình Chánh
28	Nguyễn Phi Thòang	Kinh	Nam	01/01/1990	Tổ 6, ấp Bình Chánh
29	Phan Văn Hương	Kinh	Nam	01/01/1989	Tổ 6, ấp Bình Chánh
30	Võ Nhất Tri	Kinh	Nam	22/03/1970	Tổ 4, ấp Bình Chánh
31	Trần Kim Liên	Kinh	Nữ	07/02/1954	Tổ 3, ấp Bình Chánh
32	Hoàng Trọng Đại	Kinh	Nam	10/07/1988	Tổ 4, ấp Bình Chánh
33	Trần Thị Huệ	Kinh	Nữ	01/01/1940	Tổ 4, ấp Bình Chánh
34	Phạm Thị Kim Châu	Kinh	Nữ	26/07/1955	Tổ 3, ấp Bình Chánh
35	Nguyễn Hoàng Thuận	Kinh	Nam	01/01/1992	Tổ 2, ấp Bình Chánh
36	Nguyễn Văn Nhỏ	Kinh	Nam	01/01/1984	Tổ 2, ấp Bình Chánh
37	Lâm Văn Kía Em	Kinh	Nam	01/01/1981	Tổ 4, ấp Lý Lịch 2
38	Nguyễn Trường	Kinh	Nam	10/12/1958	Tổ 5, ấp Lý Lịch 2
39	Hoàng Quốc Khánh	Kinh	Nam	01/01/1960	Tổ 7, ấp Lý Lịch 2
40	Trần Tuấn Anh	Kinh	Nam	01/01/1989	Tổ 7, ấp Lý Lịch 2
41	Thạch Văn Sang	Kinh	Nam	01/01/1963	Tổ 7, ấp Lý Lịch 2
42	Đào Văn Tuấn	Kinh	Nam	01/01/1968	Tổ 8, ấp Lý Lịch 2
43	Trương Thị Anh	Kinh	Nữ	01/01/1949	Tổ 9, ấp Lý Lịch 2
44	Lê Đức Hoàng	Kinh	Nam	1990	Ấp Lý Lịch 2
45	Nguyễn Ngọc Phong	Kinh	Nam	08/01/1993	Ấp Lý Lịch 2
46	Đỗ Quang Đại	Kinh	Nam	01/01/1965	Ấp Lý Lịch

					2
47	Nguyễn Thị Lan	Kinh	Nữ	27/05/1958	Tổ 5, ấp Lý Lịch 2
48	Nguyễn Toàn	Kinh	Nam	20/05/1948	Tổ 5, ấp Lý Lịch 2
49	Phan Thị Khải Tâm	Kinh	Nữ	26/11/1980	Tổ 7, ấp Lý Lịch 2
50	Nguyễn Văn Nhỏ	Kinh	Nam	01/01/1965	Tổ 4, ấp Lý Lịch 1
51	Hồng Thị Mùi	Chơ ro	Nữ	01/01/1991	Tổ 5, ấp Lý Lịch 1
52	Trần Văn Thịnh	Chơ ro	Nam	15/06/1988	Tổ 2, ấp Lý Lịch 1
53	Phạm Văn Diệp	Kinh	Nam	13/10/1961	Tổ 4, ấp Lý Lịch 1
54	Huỳnh Công Thoát	Chơ ro	Nam	18/4/1988	Tổ 4, ấp Lý Lịch 1
55	Nguyễn Văn Lạc	Chơ ro	Nam	01/01/1965	Tổ 3, ấp Lý Lịch 1
56	Nguyễn Thị Ánh	Chơ ro	Nữ	01/01/1973	Tổ 3, ấp Lý Lịch 1
57	Điêu Thị Hòa	Chơ ro	Nữ	01/01/1956	Tổ 2, ấp Lý Lịch 1
58	Nguyễn Thị Huệ	Chơ ro	Nữ	01/01/1960	Tổ 2, ấp Lý Lịch 1
59	Nguyễn Văn Giàu	Kinh	Nam	01/01/1962	Tổ 7, ấp Lý Lịch 1
60	Điêu Thị Tuyết Hương	Kinh	Nữ	29/03/1989	Tổ 7, ấp Lý Lịch 1
61	Nguyễn Thị Ái	Kinh	Nữ	20/01/1958	Tổ 1, ấp 4
62	Lê Thị Phi Nê	Kinh	Nữ	13/01/1963	Tổ 5, ấp 4
63	Trương Văn Sắc	Kinh	Nam	08/07/1978	Tổ 7, ấp 4
64	Đỗ Thanh Đại	Kinh	Nam	01/01/1954	Tổ 8, ấp 4
65	Điêu Thị Nghiệp	Kinh	Nữ	01/01/1967	Tổ 10, ấp 4
66	Trương Thị Mỹ Hoa	Kinh	Nữ	01/01/1959	Tổ 14, ấp 4
67	Trần Thị Mỹ Lan	Kinh	Nữ	08/10/1962	Tổ 14, ấp 4
68	Vũ Thị Hiền	Kinh	Nữ	01/01/1960	Tổ 16, ấp 4

69	Phan Ninh Bình	Kinh	Nam	18/03/1990	Tổ 16, ấp 4
70	Bùi Thị Đắc	Kinh	Nữ	02/10/1950	Tổ 16, ấp 4
71	Bùi Thị Loan	Kinh	Nữ	16/08/1982	Tổ 18, ấp 4
72	Nguyễn Hữu Viết	Kinh	Nam	15/07/1985	Tổ 20, ấp 4
73	Nguyễn Khắc Dũng	Kinh	Nam	20/12/1988	Tổ 20, ấp 4
74	Cao Thị Xuân	Kinh	Nữ	25/05/1955	Tổ 21, ấp 4
75	Điều Thị An	Choro	Nữ	07/05/1986	Tổ 23, ấp 4
76	Điều Phụng	Choro	Nam	01/01/1965	Tổ 23, ấp 4
77	Nguyễn Thị Phụng	Kinh	Nữ	01/01/1961	Tổ 1, ấp 3
78	Bùi Thị Cúc	Kinh	Nữ	19/06/1948	Tổ 1, ấp 3
79	Nguyễn Văn Bông	Kinh	Nam	16/6/1955	Tổ 5, ấp 3
80	Nguyễn Thị Quý	Kinh	Nữ	01/01/1966	Tổ 5, ấp 3
81	Nguyễn Thị Dung	Kinh	Nữ	07/11/1958	Tổ 1, ấp 3
82	Đào Kim Nga	Kinh	Nữ	09/08/1964	Tổ 4, ấp 3
83	Mai Văn Hòa	Kinh	Nam	01/01/1957	Tổ 3, ấp 3
84	Trần Thị Quý	Kinh	Nữ	10/06/1951	Tổ 3, ấp 3
85	Nguyễn Thị Thúy Nga	Kinh	Nữ	01/01/1955	Tổ 2, ấp 3
86	Nguyễn Thị Nạp	Kinh	Nữ	04/04/1948	Tổ 2, ấp 3
87	Lê Thị Như	Kinh	Nữ	03/02/1982	Tổ 5, ấp 3
88	Lý Hoàng Sơn	Kinh	Nam	20/06/1958	Tổ 5, ấp 3
89	Nguyễn Tự Mãi	Kinh	Nam	01/01/1959	Tổ 1, ấp 2
90	Nguyễn Thị Mai	Kinh	Nữ	03/06/1959	Tổ 1, ấp 2
91	Lâm Thị Đào	Nước ngoài	Nữ	22/04/1968	Tổ 2, ấp 2
92	Hàn Nhanh	Nước ngoài	Nam	01/01/1955	Tổ 3, ấp 2
93	Nguyễn Bá Tòng	Kinh	Nam	28/02/1957	Tổ 3, ấp 2
94	Trần Văn Sang	Kinh	Nam	12/07/1987	Tổ 5, ấp 2
95	Vũ Trọng Quý	Kinh	Nam	19/10/1958	Tổ 5, ấp 2
96	Bùi Thị Tuyết Nhung	Mường	Nữ	29/12/1985	Tổ 7, ấp 2
97	Cao Ngọc Luân	Mường	Nam	25/12/1964	Tổ 8, ấp 2
98	Bùi Văn Trù	Mường	Nam	01/01/1971	Tổ 8, ấp 2
99	Trần Thị Hiền	Kinh	Nữ	01/01/1962	Tổ 8, ấp 2
100	Trần Thị Chuyền	Kinh	Nữ	20/06/1966	Tổ 9, ấp 2

101	Phạm Lộ Chân Tiến	Kinh	Nữ	21/04/1990	Tổ 11, ấp 2
102	Ngô Thị Nguyên	Kinh	Nữ	01/01/1956	Tổ 12, ấp 2
103	Lê Thanh Vãn	Kinh	Nam	14/10/1976	Tổ 3, ấp 1
104	Huỳnh Thanh Tùng	Kinh	Nam	30/07/1968	Tổ 1, ấp 1
105	Điều Văn Thanh Long	Choro	Nam	01/01/1986	Tổ 1, ấp 1
106	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Kinh	Nữ	01/01/1967	Tổ 2, ấp 1
107	Lâm Văn Duy	Kinh	Nam	22/04/1982	Tổ 2, ấp 1
108	Trần Văn Hồng	Kinh	Nam	01/01/1954	Tổ 4, ấp 1
109	Nguyễn Hồng Phước	Kinh	Nữ	01/01/1962	Tổ 3, ấp 1
110	Trần Hoàng Long	Kinh	Nam	02/12/1984	Tổ 3, ấp 1
111	Huỳnh Thanh Sơn	Kinh	Nam	23/3/1955	Tổ 4, ấp 1
112	Lê Văn Năng	Kinh	Nam	01/01/1948	Tổ 5, ấp 1
113	Quách Thị Nguyệt	Mường	Nữ	04/12/1989	Tổ 10, ấp 1
114	Nguyễn Xuân Hùng	Kinh	Nam	01/12/1972	Tổ 11, ấp 1
115	Mạnh Thị Hà	Kinh	Nữ	18/3/1985	Tổ 12, ấp 1
116	Nguyễn Công Lực	Kinh	Nam	08/12/1972	Tổ 12, ấp 1
117	Nguyễn Thành Long	Kinh	Nam	06/09/1954	Tổ 13, ấp 1
118	Trương Thanh Nghĩa	Kinh	Nam	01/01/1976	Tổ 13, ấp 1
119	Đặng Thị Chính	Kinh	Nữ	18/9/1977	Tổ 13, ấp 1
III.	Tổng cộng (I + II)	152			

PHỤ LỤC 2

Danh sách Hộ thoát nghèo, Hộ thoát cận nghèo cuối năm 2025 xã Phú Lý

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND

ngày tháng ... năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phú Lý.

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Giới tính	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ
I.	HỘ THOÁT NGHÈO	08			
1	Đoàn Văn Hòa	Kinh	Nam	01/01/1930	Tổ 5, Ấp 3
2	Nguyễn Thị Lòi	Nước ngoài	Nữ	01/01/1949	Tổ 6, Ấp Cây Cầy
3	Ngô Thị Thủy	Kinh	Nữ	01/01/1957	Tổ 6, Ấp Cây Cầy
4	Nguyễn Kim Huệ	Kinh	Nữ	20/4/1944	Tổ 3, Ấp Cây Cầy
5	Nguyễn Quốc Tuấn	Kinh	Nam	20/4/1946	Tổ 6, Ấp Cây Cầy
6	Mai Thị Xậu	Kinh	Nữ	05/5/1955	Tổ 2, Ấp Cây Cầy
7	Nguyễn Văn Ân	Kinh	Nam	01/01/1947	Tổ 8, Ấp Cây Cầy
8	Nguyễn Thị Trâm	Kinh	Nữ	10/4/1947	Tổ 2, Ấp Cây Cầy
II.	HỘ THOÁT CẬN NGHÈO	20			
1	Huỳnh Quốc Dũng	Kinh	Nam	15/10/1983	Tổ 7, Ấp 1
2	Lâm Thị Phai	Nước ngoài	Nữ	01/01/1980	Tổ 2, Ấp 2
3	Mai Thị Liên	Kinh	Nữ	23/7/1965	Tổ 6, Ấp 3
4	Ngô Đức Bình	Kinh	Nam	03/01/1952	Tổ 6, Ấp 3
5	Hồng Thị Lý	Kinh	Nữ	01/01/1970	Tổ 5, Ấp 3
6	Trịnh Thị Ngọc Châu	Kinh	Nữ	31/5/1969	Tổ 4, Ấp 3
7	Vũ Thị Hà	Kinh	Nữ	14/5/1979	Tổ 20, Ấp 4
8	Điều Thị Hạnh	Choro	Nữ	01/01/1963	Tổ 11, Ấp 4
9	Nguyễn Thị Toàn	Kinh	Nữ	01/01/1977	Tổ 11, Ấp 4
10	Nguyễn Xuân Đàm	Kinh	Nam	01/01/1957	Tổ 1, Ấp 4
11	Hồng Văn Gàn	Choro	Nam	03/5/1984	Tổ 4, Ấp Lý Lịch 1
12	Mai Văn Kính	Kinh	Nam	10/10/1983	Tổ 7, Ấp Lý Lịch 1
13	Chung Văn Kiệm	Kinh	Nam	01/01/1962	Tổ 2, Ấp Bình Chánh

14	Hoàng Thị Phương	Kinh	Nữ	25/02/1985	Tổ 5, Ấp Bình Chánh
15	Nguyễn Thị Hường	Kinh	Nữ	01/01/1949	Tổ 5, Ấp Bình Chánh
16	Lê Thị Nữ	Kinh	Nữ	20/6/1950	Tổ 4, Ấp Bình Chánh
17	Phan Thị Thủy	Kinh	Nữ	01/01/1974	Tổ 5, Ấp Bình Chánh
18	Lâm Thị Cười	Kinh	Nữ	01/01/1961	Tổ 8, Ấp Cây Cày
19	Nguyễn Chí Thủy Tiên	Kinh	Nữ	06/10/1992	Tổ 5, Ấp Cây Cày
20	Thái Ngọc Giàu	Kinh	Nữ	01/02/1992	Tổ 7, Ấp Cây Cày
III.	Tổng cộng (I+II)	28			